

Số: 08 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2021

Thực hiện Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”; Quyết định số 838/QĐ-BNV ngày 28/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai, thực hiện tự đánh giá chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) của tỉnh năm 2021 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thực hiện tự đánh giá, chấm điểm dựa trên các tiêu chí, tiêu chí thành phần theo đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Yêu cầu

a) Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm bảo đảm trung thực, khách quan, đúng theo quy định tại Quyết định số 1149/QĐ-BNV.

b) Qua đánh giá, xác định được kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh một cách thực chất, khách quan. Từ đó, phát huy ưu điểm, khắc phục tồn tại hạn chế nhằm nâng cao chất lượng thực hiện công tác CCHC của tỉnh.

II. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ SỐ PAR INDEX

1. Nội dung và giải pháp thực hiện Chỉ số PAR INDEX của tỉnh

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh được cấu trúc thành 08 lĩnh vực đánh giá, 43 tiêu chí, 102 tiêu chí thành phần, cụ thể:

a) Đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC của tỉnh:



- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 06 tiêu chí, 02 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh: 04 tiêu chí, 08 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính: 05 tiêu chí, 19 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 04 tiêu chí, 12 tiêu chí thành phần;
- Cải cách chế độ công vụ (xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức): 09 tiêu chí, 17 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tài chính công: 04 tiêu chí, 15 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và triển khai Chính quyền điện tử và Chính quyền số (hiện đại hóa hành chính): 05 tiêu chí, 22 tiêu chí thành phần.
- Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: 05 tiêu chí, 02 tiêu chí thành phần.

b) Điều tra xã hội học và đánh giá tác động (Chỉ số SIPAS): 01 tiêu chí, 05 tiêu chí thành phần.

c) Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá là 100, trong đó điểm đánh giá là 66,5 điểm và điểm điều tra xã hội học là 23,50 điểm, điểm Chỉ số SIPAS 10 điểm.

2. Tự chấm điểm theo các lĩnh vực tiêu chí, tiêu chí thành phần

Các sở, ngành liên quan thực hiện tự đánh giá, chấm điểm theo các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần (trừ những tiêu chí điều tra xã hội học). Sau khi tự đánh giá, chấm điểm các sở, ngành tập hợp toàn bộ tài liệu kiểm chứng, lập báo cáo và bảng tổng hợp kết quả về tự đánh giá, chấm điểm theo lĩnh vực tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số PAR INDEX được phân công. Cụ thể phân công tự đánh giá, chấm điểm như sau:

a) Sở Nội vụ:

- Lĩnh vực 1: Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, gồm: 06 tiêu chí, 02 tiêu chí thành phần;
- Lĩnh vực 4: Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, gồm: 04 tiêu chí, 12 tiêu chí thành phần;
- Lĩnh vực 5: Cải cách chế độ công vụ (Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức), gồm: 09 tiêu chí, 17 tiêu chí thành phần.

b) Sở Tư pháp

Lĩnh vực 2: Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh, gồm: 04 tiêu chí, 08 tiêu chí thành phần.

c) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Lĩnh vực 3: Cải cách thủ tục hành chính, gồm: 05 tiêu chí, 19 tiêu chí thành phần.

d) Sở Tài chính

- Lĩnh vực 6: Cải cách tài chính công, gồm: 04 tiêu chí, 15 tiêu chí thành phần;

- Lĩnh vực 8: Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tiêu chí 8.4. Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao.

đ) Sở Thông tin và Truyền thông

Lĩnh vực 7: Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số (hiện đại hóa hành chính), gồm: 03 tiêu chí (7.1; 7.2; 7.3;) với 16 tiêu chí thành phần.

e) Sở Khoa học và Công nghệ

Lĩnh vực 7: Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số (Hiện đại hóa hành chính với nội dung áp dụng ISO 9001 theo quy định), gồm: 01 tiêu chí 7.4 với 02 tiêu chí thành phần.

g) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Lĩnh vực 8: Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gồm 04 tiêu chí: 8.2. Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh; 8.3. Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh; 8.5. Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP và 8.6. Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

3. Thời gian tổ chức tự chấm điểm và báo cáo

a) Thời gian tổ chức tự chấm điểm tại từng cơ quan hoàn thành trước ngày 25/01/2022.

b) Thời gian tổ chức rà soát tự chấm điểm và tổng hợp toàn tỉnh hoàn thành trước ngày 09/02/2022.

c) Thời gian lập báo cáo tự chấm điểm trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký gửi Bộ Nội vụ trước ngày 11/02/2022.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện việc tự đánh giá chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính theo

khoản 2 Mục II Kế hoạch này, lập báo cáo tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số PAR INDEX của tình hình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

2. Các sở, ngành được phân công tự chấm điểm theo lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần, tập hợp tài liệu kiểm chứng, xây dựng báo cáo gửi về Sở Nội vụ theo đúng thời gian quy định; phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện việc rà soát tự chấm điểm CCHC của tỉnh để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết. / *uuu*

Nơi nhận:

- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông;
- LĐVP, P. NC;
- TT. PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, bntam (1b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Thanh Nhàn

KIÊN GIANG